

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Tên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng viên là nhân lực trực tiếp cho các công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành Điều dưỡng; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người học tốt nghiệp ngành Điều dưỡng có khả năng đảm trách công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe tại các trung tâm chăm sóc sức khỏe, cơ sở

điều trị bệnh nhân như: Bệnh viện Trung Ương, Bệnh viện tỉnh/TP trực thuộc Trung Ương, các bệnh viện huyện/thị xã trực thuộc tỉnh, các bệnh viện ngoài công lập, các trung tâm y tế quận (huyện), các trạm y tế xã/phường, thị trấn...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 120 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 465 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2760 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 745 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2301 giờ

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					LT (giờ)	TH (giờ)	Kiểm tra (giờ)
I		Các môn chung/đại cương					
1	MH138	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH139	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH140	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	MH141	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
5	MH142	Tin học	3	75	15	58	2
6	MH143	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
7	MH144	Sinh học DT	2	30	28	0	2
		Tổng	23	465	185	255	25
II		Các môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề					
II.1		Môn học, mô đun cơ sở					
8	MH145	Giải phẫu- Sinh lý	3	45	42	0	3

9	MH146	Thực hành Hoá sinh	2	60	0	56	4
10	MH147	Thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng	2	60	0	56	4
11	MH148	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
12	MH149	Dược lý	3	45	42	0	3
13	MH150	Điều dưỡng cơ bản	3	45	42	0	3
14	MH151	Thực hành Điều dưỡng cơ bản 1	4	120	0	112	8
15	MH152	Thực hành Điều dưỡng cơ bản 2	4	120	0	112	8
16	MH153	Sức khỏe và môi trường	2	30	28	0	2
17	MH154	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
18	MH155	Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
19	MH156	Tổ chức Y tế - Y đức	2	30	28	0	2
		Tổng	31	645	266	336	43
II.2		Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
20	MH157	Quản lý điều dưỡng	2	30	28	0	2
21	MH158	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	45	42	0	3
22	MH159	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	45	42	0	3
23	MH160	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	45	42	0	3
24	MH161	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	45	42	0	3
25	MH162	Điều dưỡng chuyên khoa	2	30	28	0	2
26	MH163	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)	8	320	0	304	16

27	MH164	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)	8	320	0	304	16
28	MH165	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em (LS Nhi)	8	320	0	304	16
29	MH166	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình (LS Sản)	2	80	0	76	4
30	MH167	Thực hành chăm sóc người bệnh truyền nhiễm (LS truyền nhiễm)	4	160	0	152	8
31	MH168	Thực hành chăm sóc người bệnh chuyên khoa (HSCC, Tâm thần, Da liễu) - (LS chuyên khoa)	3	120	0	114	6
32	MH169	Thực tập cộng đồng	2	80	0	76	4
33	MH170	Thực tập tốt nghiệp	10	400	0	380	20
		Tổng	61	2040	224	1710	106
II.3		Môn học bổ trợ					
34		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các học phần sau)	2	30	28	0	2
34a	MH171	<i>Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng</i>					
34b	MH172	<i>Dinh dưỡng - Tiết chế</i>					
34c	MH173	<i>Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn</i>					
34d	MH174	<i>CSSK tâm thần</i>					
34e	MH175	<i>Chăm sóc giảm đau</i>					
34f	MH176	<i>Tiếng anh chuyên ngành</i>					
34g	MH177	<i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản</i>					
34h	MH178	<i>Vật lý trị liệu</i>					
35		Học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong các học phần chuyên sâu)	3	45	42	0	3

35a	MH179	<i>Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu</i>					
35b	MH180	<i>Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao</i>					
35c	MH181	<i>Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao</i>					
35d	MH182	<i>Chăm sóc sức khỏe bệnh Nhi nâng cao</i>					
		Tổng	5	75	70	0	5
		Tổng toàn chương trình	120	3225	745	2301	179

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.